

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07/02/2023

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu H, xã T, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Hoàng Trung S, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu H, xã T, huyện C, tỉnh P

(Chị P, anh S đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1], Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày: Chị và anh Hoàng Trung S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2001 tại UBND xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh S tại khu Hùng Sơn, xã Tùng Khê. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp nhau. Anh S thường xuyên chửi mắng chị, không lo vun đắp cho gia đình, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Nay Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/2002 và cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 30/9/2004. Hiện nay cháu Huyền và cháu Hiếu đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

[2], *Tại bản tự khai ngày 14/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Trung S trình bày:* Anh và chị Vũ Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh P ngày 28/7/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại khu Hùng Sơn, xã Tùng Khê. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được đến năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chỉ tiêu không hợp lý, chơi bời với bạn bè. Nay Chị P xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và Chị P có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/2002 và cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 30/9/2004. Hiện nay cháu Huyền và cháu Hiếu đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh S không yêu cầu giải quyết.

[3], *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã T ngày 22/11/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị P và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2001 tại UBND xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh S tại khu Hùng Sơn, xã Tùng Khê. Quá trình chung sống Chị P và anh S có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, nhiều lần xảy ra cãi vã. Nay Chị P xin ly hôn anh S, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 4 Điều 207 khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Hoàng Trung S.

Về con chung: Cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/2002 và cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 30/9/2004 đều đã trưởng thành, Chị P và anh S không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P, anh S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Khu H, xã T, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P, anh Sđều có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa Chị P và anh Slà hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Pcho đăng ký kết hôn ngày 28/7/2001. Chị Phương và anh Sđều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Phương và anh Slà mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P xin ly hôn, anh Scó quan điểm nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh Skhông đến tham gia hòa giải tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử cho chị Phương được ly hôn anh Slà phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P anh Scó 02 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/2002 và cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 30/9/2004. Xét thấy cháu Huyền, cháu Hiếu đã trưởng thành, Chị P và anh Sđều không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P, anh Sđều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P được ly hôn anh Hoàng Trung S.

[2]. Về con chung: Cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 04/3/2002 và cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 30/9/2004 đều đã trưởng thành, Chị P và anh Skhông đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P, anh Skhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên

lai số AA/2020/0007973 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Tùng Khê;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền